

(Biểu số 03 -Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Viện Hàn lâm KHCNVN

Chương: 046

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	17.500,0	13.382,0	76,47%	104,40%
I	Số thu phí, lệ phí	17.500,0	13.382,0	76,47%	104,40%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.625,0	10.224,0	61,50%	134,70%
I	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	16.625,0	10.224,0	61,50%	134,70%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.625,0	10.224	61,50%	134,70%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	875,0	669,00	76,46%	104,70%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.365.818,3	816.139,5	59,75%	120,85%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.324.526,1	808.047,2	61,01%	157,90%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.217.076,1	786.161,9	64,59%	118,60%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	387.113,0	277.516,3	71,69%	128,59%
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	206.600,0	169.832,0	82,20%	149,18%
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	180.513,0	107.684,3	59,65%	108,00%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	318.590,1	192.643,2	60,47%	100,05%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	511.373,1	316.002,5	61,79%	127,26%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	61.820,0	44.599,7	72,14%	139,70%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	31.190,0	20.792,7	66,66%	130,30%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30.630,0	23.807,0	77,72%	149,19%
6	Chi hoạt động kinh tế	22.130,0	11.219,1	50,70%	218,53%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.130,0	11.219,1	50,70%	218,53%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.260,0	3.315,6	52,96%	148,83%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.260,0	3.315,6	52,96%	148,83%
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	17.240,0	7.350,5	42,64%	221,89%
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.240,0	7.350,5	42,64%	221,89%
II	Nguồn viện trợ	21.592,2	6.258,3	28,98%	154,57%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.592,2	6.258,3	28,98%	154,57%
2.1	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học	2.818,3	1.649,7	58,54%	100,00%
2.2	Dự án: nghiên cứu kỹ nghệ chế tạo các tế bào quang điện hóa và các điện cực xúc tác của pin nhiên liệu PEM nhằm định hướng ứng dụng sản xuất và sử dụng nhiên liệu H2	1.800,0	1.285,8	71,43%	953,86%
2.3	Dự án Tính chất từ ở thang nano của một số vật liệu có cấu trúc mới	3.600,0	20,3	0,56%	4,60%
2.4	Phân lập và đánh giá tính chất của Enzyme thủy phân Y-PGA từ thực khuẩn thể Bacillus	45,0	-	0,00%	0,00%
2.5	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam	1.334,0	564,6	42,32%	70,00%
2.6	Nghiên cứu so sánh khả năng chống chịu của các rạn san hô ở vùng biển Nam Việt Nam nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển trong một thế giới biến đổi	1.099,7	443,6	40,34%	62,70%
2.7	Phát triển và thúc đẩy công nghệ LED cho chiếu sáng chung ở VN	7.483,0	698,0	9,33%	100,00%
2.8	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam	2.631,0	758,0	28,81%	100,00%
2.9	Hiện đại hoá chương trình đào tạo ngành Địa chất tại các trường đại học của Nga và Việt Nam	781,2	838,3	107,31%	0,00%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	19.700,0	1.834,0	9,31%	50,09%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	19.700,0	1.834,0	9,31%	50,09%
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	19.700,0	1.834,0	9,31%	50,09%

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện (để b/c);
- PCT. Nguyễn Đình Công (để b/c);
- TT Tin học và Tính toán (đăng Website)
- Lưu: VT, KHTC.NT5

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2019
TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH



Lê Trường Giang